TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1165/2025/DS-PT
Ngày: 16-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Thoại - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 675/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2025/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4243/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15170/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1977; địa chỉ đăng ký thường trú: số nhà I, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô N, sinh năm 1967; địa chỉ: số A, đường A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 16/5/2025), có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Bà Huỳnh Thị Diễm N1, sinh năm 1987; địa chỉ đăng ký thường trú: số B, đường L, tổ E, khu H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: số A, đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1985; địa chỉ đăng ký thường trú: số F, đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: số A, đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lý Minh H, sinh năm 1998; địa chỉ: số B, đường P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số A, đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 25/8/2025), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Đại N2 là Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Thanh L, sinh năm 1967; địa chỉ: số A, khu phố L, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/01/2023, bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V vay của bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng), lãi suất thương lượng, hẹn trả lãi vào ngày trả gốc, thời hạn vay là 03 ngày từ ngày 09/01/2023 đến ngày 11/01/2023, lập "Giấy thỏa thuận mượn tiền" có chữ ký xác nhận của ông V. Bà N1 biết và cũng đồng ý khoản vay này. Bà T đã chuyển số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) vào số tài khoản 03822019999 của ông V tại Ngân hàng TMCP Q.

Ngày 18/01/2023, bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V vay của bà Nguyễn Thị Ngọc T thêm số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và cam kết sẽ hoàn trả lại tổng số tiền vay là 10.200.000.000 đồng (mười tỷ hai trăm triệu đồng) trong thời gian 01 tháng từ ngày 18/01/2023 đến ngày 18/02/2023, lập "Giấy thỏa thuận mượn tiền" có chữ ký xác nhận của ông V. Bà N1 biết và cũng đồng ý khoản vay này.

Kể từ khi hết thời hạn vay đến nay, bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V chưa trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền gốc nào theo cam kết giữa các bên và cũng không trả lãi cho bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền gốc là 10.200.000.000 đồng (mười tỷ hai trăm triệu đồng).

- Buộc bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 19/02/2023 đến thời điểm xét xử tạm tính là 2.448.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Ngô N xác định lại quá trình hai bên thực hiện giao dịch như sau: về lãi suất của hai khoản vay được thỏa thuận là 4%/tháng; ngày 13/01/2023, bà T có mượn của bà N1, ông V số tiền 100.000.000 đồng và đã cấn trừ vào số tiền lãi suất tính từ ngày 09/01/2023 đến ngày 17/01/2023 của khoản vay 10.000.000.000 đồng; ngày 20/02/2023, bà N1 và ông V đã trả cho bà T số tiền lãi là 408.000.000 đồng của khoản vay 10.200.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi, cụ thể: Nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền lãi bị đơn đã trả vượt quá lãi suất quy định vào số tiền nợ gốc, số tiền còn nợ tiếp tục tính lãi trong hạn và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V là ông Ngô Nguyễn Duy K trình bày:

Bị đơn thống nhất với phần trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc hai bên có ký kết "Giấy thỏa thuận mượn tiền" ngày 09/01/2023 và "Giấy thỏa thuận mượn tiền" ngày 18/01/2023, số tiền gốc đã vay, thời gian trả tiền lãi suất và số tiền lãi suất đã trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, đối với số tiền nợ gốc 10.200.000.000 đồng theo "Giấy thỏa thuận mượn tiền" ngày 18/01/2023 thì bị đơn đã cấn trừ khoản nợ này cho nguyên đơn bằng giá trị của 03 thửa đất số: 103, 109, 117 tờ bản đồ số 186, tọa lạc khu vực H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/02/2023 được Văn phòng C chứng nhận. Vì thế, bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh L trình bày: Trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa bà T với ông V, bà N1 thì ông không có liên quan gì đến số tiền vay của các bên. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này và từ chối tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2025/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với bị đơn - bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 16.823.661.081 đồng (mười sáu tỷ tám trăm hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn không trăm tám mươi mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17 tháng 6 năm 2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của đương sự.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, bị đơn bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Số tiền 100.000.000 đồng do ông V chuyển khoản cho nguyên đơn thì hai bên đã thống nhất trừ tiền lãi của khoản vay 10.000.000.000 đồng ngày 09/01/2023; số tiền 408.000.000 đồng nhận ngày 20/02/2023 thì nguyên đơn xác định đây là tiền lãi 01 tháng của khoản vay 10.200.000.000 đồng theo Giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 18/01/2023.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn bổ sung kháng cáo, đề nghị Tòa án xem xét hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng, vi phạm nội dung giải quyết vụ án, không xem xét chứng cứ do Tòa án thu thập được tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, không xem xét tài sản bảo đảm cho khoản vay là 03 thửa đất số: 103, 109, 117 tờ bản đồ số 186, tọa lạc khu vực H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/02/2023.

Bị đơn ông Nguyễn Anh V trình bày: Ngày 18/01/2023, ông V không vay cũng không nhận số tiền 200.000.000 đồng từ nguyên đơn, mà số tiền 10.200.000.000 đồng là tiền lãi suất của khoản vay 10.000.000.000 đồng ngày 09/01/2023 do ông V còn nợ (lãi suất 4%/tháng là 400.000.000 đồng, trả 200.000.000 đồng, còn nợ lãi 200.000.000 đồng) nên nguyên đơn cộng dồn gốc và lãi thành Giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 18/01/2023. Ông V thừa nhận có giao cho người đại diện của ông V nộp cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một văn bản đánh máy đề ngày 08/8/2024 (người trình bày là ông Nguyễn Anh V) và Vi bằng số 307/2023/VB-TPL ngày 09/10/2023, căn cước công dân của ông V (photo). Ông V xác định đã trả hết nợ cho bà T như người đại diện hợp pháp của ông V trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Tòa án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn không đúng địa chỉ cư trú của bị đơn (suốt quá trình tố tụng bị đơn hoàn toàn không nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án; chỉ đến ngày 08/5/2025, bà N1 mới nhận được văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú là số A, đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do tống đạt, niêm yết không đúng quy định, Tòa án đã tước quyền trình bày và cung cấp chứng cứ,

đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn. Tòa án sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng là ông Lê Tấn H1 (bà T xác định chồng bà T), Văn phòng C1, Văn phòng C và ông Lê Nguyễn Anh H2 (người nhận chuyển nhượng 03 thửa đất tại tỉnh Bình Thuận), cho rằng giao dịch chuyển nhượng cùng ông H2 không liên quan đến giao dịch vay tài sản là không đánh giá đúng giao dịch bảo đảm cho khoản vay, vi phạm nghiêm trọng tố tụng, làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án sơ thẩm chỉ căn cứ lời khai của nguyên đơn mà không xem xét, đánh giá chứng cứ do Tòa án thu thập là vi phạm Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án sơ thẩm vi phạm về nội dung giải quyết: Tòa án sơ thẩm dựa vào lời khai của phía nguyên đơn xác định số tiền 408.000.000 đồng là tiền lãi là mâu thuẫn với lời khai của nguyên đơn tại cơ quan Công an xác định là tiền gốc, số tiền 100.000.000 đồng bà T mượn của ông V cấn trừ vào tiền lãi nhưng chưa được đối chất, làm rõ. Thời gian tính lãi trong hạn và lãi quá hạn gây bất lợi cho bị đơn, trái với quy định của pháp luật vì đối với khoản vay từ ngày 09/01/2023 đến ngày 17/01/2023, bị đơn đã trả 100.000.000 đồng vào ngày 13/01/2023 nhưng Tòa án sơ thẩm không cấn trừ tiền trả lãi dư vào nợ gốc; đối với khoản vay ngày 18/01/2023, bà T đã đồng ý cho ông V vay tiếp và yêu cầu tiếp tục trả lãi, hai bên không xác định thời hạn hợp đồng vay tài sản thời hạn trả nên khoản vay này chuyển sang vay không kỳ hạn và có lãi nhưng không có chứng cứ nào thể hiện bà T đã thông báo yêu cầu bị đơn trả nợ theo khoản 2 Điều 469 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tòa án không xem Biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, bà T thừa nhận bị đơn thế chấp 03 thửa đất tại Bình Thuận để đảm bảo cho khoản vay này bằng hình thức hợp đồng ủy quyền. Tòa án không xem xét các tin nhắn của T và ông V có liên quan đến số tiền vay 10.200.000.000 đồng, 6.000.000.000 đồng của ông L và tranh chấp giữa bà N1, ông L được xét xử bằng Bản án số 270/2025/DS-PT ngày 08/5/2023 xác định hợp đồng ủy quyền chỉ là hình thức thế chấp và đã bị tuyên vô hiệu. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng giao dịch ủy quyền giữa nguyên đơn và bị đơn không liên quan đến việc vay tiền là không đúng sự thật. Tài sản thế chấp bà T đã tự ý chuyển nhượng để thu hồi số tiền vay của ông V thể hiện rõ tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2023, bà T không xuất trình được chứng cứ chứng minh thông báo cho ông V biết việc chuyển nhượng, điều này thể hiện bà T chấp nhận giá trị tài sản thế chấp mà bà T đã chuyển nhượng tương đương khoản nợ nên không có yêu cầu gì đối với ông V, khi ông V biết được sự việc thì vẫn chấp nhận xem như giải quyết xong khoản nợ dù giá trị tài sản thế chấp cao hơn nhiều so với nợ vay.

Từ những vi phạm về tố tụng và nội dung nêu trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Luật sư, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay và bị đơn cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án sơ thẩm xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết tại nơi cư trú của bị đơn và xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Trần Đại N2 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu hoãn phiên tòa vì cho rằng chưa nhận giấy triệu tập tham gia phiên tòa của Tòa án. Xét thấy, khi Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất để xét xử vào ngày 27/8/2025 nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa, thời điểm này bị đơn chưa có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa. Khi Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn đã mời Luật sư Trần Đại N2 làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (hồ sơ gửi đến Tòa án ngày 29/8/2025). Như vậy, phiên tòa dự kiến được mở sau khi Tòa đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, lý do yêu cầu hoãn phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không thể đến phiên tòa được. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, mà tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau về việc giao kết hợp đồng vay tài sản với hình thức và nội dung theo "Giấy thỏa thuận mượn tiền" ngày 09/01/2023 và "Giấy thỏa thuận mượn tiền" ngày 18/01/2023; thống nhất tổng số tiền vay là 10.200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền 100.000.000 đồng do ông Nguyễn Anh V

chuyển cho nguyên đơn vào ngày 13/01/2023 được trừ vào tiền lãi của khoản vay ngày 09/01/2023. Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Do đó, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Anh V và bà Huỳnh Thị Diễm N1 có xác lập với nhau hợp đồng vay tài sản, có thời hạn, có lãi suất theo quy định tại Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét quá trình thực hiện giao dịch vay tài sản của các đương sự thấy rằng: Ngày 09/01/2023, ông Nguyễn Anh V ký "Giấy thỏa thuận mượn tiền" (*bút lục 17*) xác nhận đã vay của bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 10.000.000.000 đồng được thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 0382019999 của ông Nguyễn Anh V mở tại Ngân hàng TMCP Q, lãi suất thương lượng, thời hạn vay là 03 ngày (kể từ ngày 09/01/2023 đến 11/01/2023).

Ngày 18/01/2023, ông Nguyễn Anh V ký "Giấy thỏa thuận mượn tiền" (*bút lục 15*) xác nhận nợ với số tiền 10.200.000.000 đồng, trong đó bao gồm 10.000.000.000 đồng của khoản vay ngày 09/01/2023 và 200.000.000 đồng tiền vay thêm, lãi suất thương lượng, thời hạn vay là 01 tháng (từ ngày 18/01/2023 đến ngày 18/02/2023).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác định ngày 13/01/2023 chuyển khoản cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng; ngày 18/01/2023 trả nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng và ngày 20/02/2023, bị đơn trả nguyên đơn 408.000.000 đồng tiền lãi. Nguyên đơn thừa nhận có nhận của bị đơn số tiền 100.000.000 đồng (ngày 13/01/2023) và số tiền lãi 408.000.000 đồng (ngày 20/02/2023), được cấn trừ tiền lãi bị đơn phải trả. Bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh có trả cho nguyên đơn 100.000.000 đồng vào ngày 18/01/2023 nên lời khai này không được chấp nhận. Bị đơn kháng cáo cho rằng tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/10/2023 của Phòng C2 Công an tỉnh B thì nguyên đơn thừa nhận số tiền 408.000.000 đồng là tiền gốc. Xét thấy, việc nguyên đơn xác định số tiền 408.000.000 đồng là tiền lãi do bị đơn trả cho số tiền vay 10.200.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp sự thừa nhận của bị đơn tại Đơn tố giác đề ngày 23/7/2023 của ông Nguyễn Anh V (*bút lục 828 - 832*), Đơn khởi kiện ngày 06/12/2023 của bà Huỳnh Thị Diễm N1 (*bút lục 183 - 184*), Văn bản trình bày ý kiến ngày 19/6/2024 của ông Nguyễn Anh V (*bút lục 144 - 147*), văn bản trình bày ý kiến đề ngày 08/8/2024 của ông Nguyễn Anh V (*bút lục 85 - 88*). Do đó, có cơ sở xác định đến hết ngày 18/02/2023, bị đơn vẫn chưa trả tiền vay gốc cho nguyên đơn và bị đơn đã trả được tổng số tiền lãi là 508.000.000 đồng. Bên cạnh đó, bị đơn không có thỏa thuận nào khác về việc gia hạn thời hạn trả nợ vay hay nguyên đơn đã đồng ý cho ông V vay tiếp mà các tin nhắn được trích xuất có trong hồ sơ của Cơ quan Cảnh sát điều tra (*bút lục 585 - 615*) không thể hiện sự thống nhất của nguyên đơn và bị đơn về việc gia hạn thời hạn trả nợ hay chuyển hóa sang khoản vay không có thời hạn như phía bị đơn trình bày.

[2.3] Đồng thời, phía bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng trong việc tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng cho bị đơn, đã tước đi quyền tham

gia tố tụng, quyền phản tố của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có Thông báo về việc thụ lý vụ án số 566/TB-TLVA ngày 04/7/2024, thực hiện việc niêm yết Giấy triệu tập, văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Anh V tại địa chỉ: số F, đường D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương và cho bà Huỳnh Thị Diễm N1 tại địa chỉ: số B, đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Phía bị đơn cho rằng địa chỉ cư trú của bị đơn tại địa chỉ: số A, đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, tài liệu có trong hồ sơ vụ án theo Bản án dân sự sơ thẩm số 230/2024/DS-ST ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và Bản án dân sự phúc thẩm số 270/2025/DS-PT ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đều thể hiện địa chỉ của ông Nguyễn Anh V tại: số F, đường D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương và bà Huỳnh Thị Diễm N1 tại: số B, đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Và tại phiên tòa phúc thẩm, chính ông Nguyễn Anh V thừa nhận có giao văn bản trình bày ý kiến đề ngày 08/8/2024 (*bút lục 85 - 88*), Đơn tố giác, bản sao căn cước công dân và Vi bằng số 307 (*bút lục số 49 - 84*) cho người đại diện cho ông V nộp cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một những tài liệu, chứng cứ này. Điều này chứng minh bị đơn biết về việc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án này nhưng bị đơn không tham gia tố tụng, không thực hiện các quyền của bị đơn là tự từ bỏ quyền của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Cho nên, việc Tòa án cấp sơ thẩm niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ nêu trên là không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.4] Bị đơn kháng cáo cho rằng toàn bộ nghĩa vụ bị đơn phải thực hiện với nguyên đơn theo "Giấy thỏa thuận mượn tiền" ngày 18/01/2023 với số tiền vay gốc 10.200.000.000 đồng thì bị đơn đã trả xong từ việc cấn trừ bằng giá trị của 03 thửa đất số: 103, 109 và 117, tờ bản đồ số 186, tọa lạc khu vực H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/02/2023 được Văn phòng C chứng nhận ngày 20/02/2023, số công chứng 0413, quyển số 02/2023. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không thừa nhận việc cấn trừ toàn bộ số nợ gốc 10.200.000.000 đồng, điều này cũng thể hiện tại Biên bản lấy lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B ngày 10/10/2023, bà Nguyễn Thị Ngọc T thừa nhận ký Hợp đồng ủy quyền ngày 20/02/2023 đối với các thửa đất nêu trên là để đảm bảo khoản vay 10.200.000.000 đồng ngày 18/01/2023 và căn cứ vào Hợp đồng ủy quyền ngày 20/02/2023, bà T đã làm thủ tục chuyển nhượng các thửa đất nêu trên cho ông Lê Nguyễn Anh H2 với giá 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/3/2023 do Văn phòng C1 (địa chỉ: thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận) chứng nhận số công chứng 569, quyển số 01/2023 ngày 20/3/2023; mục đích chuyển quyền sử dụng đất là để thu hồi số tiền bà T đã cho ông V vay (*bút lục 738 - 742*). Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng số tiền 2.000.000.000 đồng thu được từ việc chuyển nhượng 03 thửa đất nêu trên để thu hồi số tiền vay 10.200.000.000 đồng nhưng quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với hợp đồng vay tài sản. Bị đơn không có chứng cứ nào khác để chứng minh rằng đã cấn trừ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với số tiền 10.200.000.000 đồng, đồng thời bị đơn

cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và số tiền bà T chuyển nhượng đất cho ông Lê Nguyễn Anh H2. Cho nên, trong phạm vi vụ án này Tòa án không thể xem xét, giải quyết đối trừ số tiền chuyển nhượng các thửa đất nêu trên, vì các đương sự không có yêu cầu và không chứng minh được giá trị chuyển nhượng thực tế, cho nên nếu giải quyết đối trừ sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn đối với quyền sử dụng đất nêu trên. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm không xem xét là phù hợp và cũng không cần thiết đưa ông H2 tham gia tố tụng trong vụ án. Bị đơn có quyền khởi kiện nguyên đơn để giải quyết bằng vụ án khác liên quan đến hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và số tiền bà T chuyển nhượng đất cho ông Lê Nguyễn Anh H2.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đến ngày 18/02/2023, bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền vay 10.200.000.000 đồng cho nguyên đơn là vi phạm thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ của người vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay gốc từ ngày 19/02/2023. Do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ vay gốc và lãi chậm trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[2.6] Về việc trả nợ vay:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất mức lãi suất thực tế của hai khoản vay theo thỏa thuận là 4%/tháng, tương đương 48%/năm. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (lãi suất 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng) thì lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận là vượt quá quy định. Do đó, Tòa án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất trong hạn của các khoản vay bằng 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468, điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi quá hạn 150% của lãi trong hạn (20%/năm x 150% = 30%, tương đương 2,5%/tháng) theo từng khoản hợp đồng vay tài sản từng mốc thời gian chậm trả từ ngày 11/01/2023 đến 17/01/2023, trong khi nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lãi 1%/tháng tính kể từ ngày 19/02/2023 là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Do đó, trong phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm có thể xem xét, tính lại số tiền gốc, lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn để đảm bảo giải quyết đúng pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích của các đương sự. Cụ thể như sau:

* Tiền lãi trong hạn từ ngày 09/01/2023 đến ngày 11/01/2023 theo "Giấy thỏa thuận mượn tiền" ngày 09/01/2023 là 03 ngày x (10.000.000.000 đồng x 1,66%/tháng : 30 ngày) = 16.600.000 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận số tiền 100.000.000 đồng do bị đơn trả cho nguyên đơn ngày 13/01/2023 được trừ vào tiền lãi của khoản vay 10.000.000.000 đồng nên sau khi khấu trừ tiền lãi: (100.000.000 đồng – 16.600.000 đồng), còn lại 83.400.000 đồng được khấu trừ vào nợ gốc là 10.000.000.000 - 83.400.000 đồng = 9.916.600.000 đồng. Như vậy, nợ gốc tính

đến ngày 18/01/2023 còn 9.916.600.000 đồng + 200.000.000 đồng = 10.116.600.000 đồng (2).

* Từ ngày 18/01/2023 đến ngày 18/02/2023, phát sinh tiền lãi trong hạn đối với khoản nợ gốc 10.116.600.000 đồng theo "Giấy thỏa thuận mượn tiền" ngày 18/01/2023 là 01 tháng x (10.116.600.000 đồng x 1,66%/tháng) = 167.935.560 đồng (3).

Sau khi khấu trừ số tiền lãi 408.000.000 đồng do bị đơn trả cho nguyên đơn ngày 20/02/2023 (408.000.000 đồng - 167.935.560 đồng), còn lại 240.064.440 đồng sẽ được khấu trừ vào số tiền gốc 10.116.600.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc mà bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày 19/02/2023 là 10.116.600.000 đồng - 240.064.440 đồng = 9.876.535.560 đồng (4).

Tiền lãi quá hạn từ ngày 19/02/2023 đến ngày 16/6/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 02 năm 03 tháng 27 ngày x (9.876.535.560 đồng x 1%/tháng) = 2.755.553.391 đồng (5).

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là (4) + (5) = 12.632.088.951 đồng (trong đó tiền gốc là 9.876.535.560 đồng và 2.755.553.391 đồng).

[2.7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng phân tích nêu trên. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho kháng cáo nhưng do sửa một phần bản án sơ thẩm nên kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là chưa phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 429, 463, 466, 468, 562, 565, 566, 567, 568 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2025/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với bị đơn - bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 12.632.088.951 đồng (mười hai tỷ, sáu trăm ba mươi hai triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm năm mươi mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/6/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V phải liên đới chịu số tiền 120.632.088 đồng (một trăm hai mươi triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, không trăm tám mươi tám đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 60.324.000 đồng (sáu mươi triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002019 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả cho bà Huỳnh Thị Diễm N1 và ông Nguyễn Anh V số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002006 ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (14).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Trúc